

Thực trạng giáo dục kĩ năng giao tiếp qua hoạt động chơi cho trẻ rối loạn phổ tự kỉ trong lớp mẫu giáo hòa nhập 5 - 6 tuổi

Nguyễn Thị Bùi Thành

Trưởng Đại học Thăng Long
Phường Đại Kim, quận Hoàng Mai,
Hà Nội, Việt Nam
Email: nguyenthibui Thanh@gmail.com

TÓM TẮT: Bài viết phân tích thực trạng giáo dục kĩ năng giao tiếp qua hoạt động chơi cho trẻ rối loạn phổ tự kỉ trong lớp mẫu giáo hòa nhập 5-6 tuổi dựa trên những thống kê cụ thể về nhận thức của giáo viên và phụ huynh đối với tầm quan trọng của vấn đề nghiên cứu, biểu hiện và tần suất, mức độ thực hiện kĩ năng giao tiếp của trẻ trong các hoạt động hàng ngày nói chung và trong các hoạt động chơi nói riêng. Kết quả cho thấy, biểu hiện kĩ năng giao tiếp gồm có 7 nhóm kĩ năng với 33 items, từ kết quả khảo sát thực tiễn đề xuất 4 nhóm biện pháp gồm 10 biện pháp tác động giúp cho giáo viên, phụ huynh định hướng, lựa chọn và ứng dụng hiệu quả các biện pháp trong giáo dục kĩ năng giao tiếp qua hoạt động chơi trong lớp mẫu giáo hòa nhập 5-6 tuổi nhằm cải thiện kĩ năng giao tiếp cho trẻ rối loạn phổ tự kỉ.

TỪ KHÓA: Kĩ năng giao tiếp; tự kỉ; hòa nhập; hoạt động chơi; 5-6 tuổi.

→ Nhận bài 25/7/2020 → Nhận bài đã chỉnh sửa 21/8/2020 → Duyệt đăng 25/02/2021.

1. Đặt vấn đề

Tự kỉ là một trong số các rối loạn phát triển với những khiếm khuyết phức tạp, trong đó các khiếm khuyết đặc trưng được bộc lộ ở các lĩnh vực giao tiếp (GT), tương tác xã hội và hành vi định hình [1]. Thiếu hụt về GT là một khía cạnh cốt lõi của rối loạn phổ tự kỉ (RLPTK). Tổng quan tài liệu của Landa, Holman, O'Neil và Stuart (2011) đã đánh giá các khó khăn về mặt GT và xã hội phân biệt RLPTK so với chậm phát triển và trẻ khác, bao gồm khó khăn trong khởi tạo, đáp lại tương tác, chú ý kết hợp, các hành vi tượng trưng, bắt chước động tác, hiểu ngôn ngữ và sử dụng cử chỉ... [2].

Giáo dục (GD) kĩ năng (KN) GT cho trẻ RLPTK qua hoạt động (HĐ) chơi là một vấn đề cấp thiết trong GD hòa nhập ở bậc Mầm non. Ở độ tuổi mầm non, trẻ RLPTK thường chơi một mình hoặc chơi quan sát hoặc ít khi chơi kết hợp và phối hợp. Trẻ nhỏ khi chơi thường nói với bạn bè về những gì đang diễn ra nhưng trẻ RLPTK thường không nói trong khi chơi. Sự khiếm khuyết về KN chơi dẫn đến trẻ RLPTK không xây dựng và phát triển được mối quan hệ bạn bè [3]. “Chơi là một công cụ thành công nhất trong việc dạy trẻ em có khó khăn trong GT phát triển các KN GT một cách hiệu quả” [4], [5], [6].

GD hòa nhập là xu thế tất yếu của hầu hết các nước trên thế giới nhằm đảm bảo các quyền cơ bản của mọi trẻ em được nêu trong Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em. Trong các lớp mẫu giáo hòa nhập (MGHN), trẻ RLPTK thường chưa biết cách chơi với bạn cùng lớp, trong khi đó, vai trò hỗ trợ của bạn cùng lớp rất quan trọng, tạo ra nhiều cơ hội cho trẻ chơi và GT cùng nhau, trò chuyện, trẻ biết giúp đỡ nhau trong khi chơi và trong học tập. Các

bạn ở lớp sẽ nói nhiều, dễ dàng chia sẻ thông tin, là môi trường để trẻ RLPTK bắt chước và học theo [1], [3].

Thực tiễn GD hòa nhập hiện nay cho thấy, việc GD KNGT cho trẻ RLPTK qua HĐ chơi còn chưa được quan tâm sát sao và chưa đặt ra mục tiêu cụ thể, các trò chơi thường chỉ tổ chức chung cả lớp mà chưa chú ý đến những yếu tố cá nhân như chơi một mình, ít chia sẻ trò chuyện cùng các bạn trong nhóm, hay tranh giành đồ chơi, chơi rập khuôn máy móc, ít sử dụng lời nói trong khi chơi [4], [7], [8]. Do những khó khăn như trên, việc GD KNGT cho trẻ là rất cần thiết và chiếm vị trí quan trọng trong GD hòa nhập. Chính vì vậy, chúng tôi chọn vấn đề “GD KN GT cho trẻ RLPTK qua HĐ chơi trong lớp MGHN 5-6 tuổi” để nghiên cứu.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm kĩ năng giao tiếp

Tác giả Hoàng Anh quan niệm: KNGT là năng lực của con người biểu hiện trong quá trình GT. Đó là các khả năng sử dụng hợp lí phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ... là hệ thống các thao tác cử chỉ, điệu bộ, hành vi được chủ thể GT phối hợp hài hòa [9]. Trong Thông tư ban hành Quy định về bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi, trong đó lĩnh vực Phát triển ngôn ngữ và GT gồm có 6 chuẩn - 31 chỉ số, trong đó chúng tôi lựa chọn ra các chuẩn và chỉ số trong Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ và GT liên quan đến luận án như sau [10]:

Chuẩn 14: Trẻ nghe hiểu lời nói

- Chỉ số 61. Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi;
- Chỉ số 62. Nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn

liên quan đến 2, 3 hành động;

c. Chỉ số 63. Hiểu nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi;

d. Chỉ số 64. Nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ.

Chuẩn 15: Trẻ biết sử dụng lời nói để GT

a. Chỉ số 65. Nói rõ ràng;

b. Chỉ số 66. Sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày;

c. Chỉ số 67. Sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp;

d. Chỉ số 68. Sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân;

đ. Chỉ số 69. Sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong HĐ;

e. Chỉ số 70. Kể về một sự việc, hiện tượng nào đó để người khác hiểu được;

g. Chỉ số 71. Kể lại được nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định;

h. Chỉ số 72. Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện.

Chuẩn 16: Trẻ thực hiện một số quy tắc thông thường trong GT

a. Chỉ số 73. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu GT;

b. Chỉ số 74. Chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp;

c. Chỉ số 75. Không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện;

d. Chỉ số 76. Hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói;

đ. Chỉ số 77. Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống;

e. Chỉ số 78. Không nói tục, chửi bậy.

Như vậy, qua tổng thuật các nghiên cứu cho thấy rằng, KNGT là hành động được biểu hiện ra bên ngoài, KN được hình thành từ việc chủ thể tiếp thu nguồn tri thức, vận dụng linh hoạt, sự hiểu biết, kinh nghiệm và dựa vào nhu cầu của bản thân để thực hành trong các tình huống hàng ngày với đối tượng GT nhằm đạt được mục đích GT.

2.2. Hoạt động vui chơi

Theo Kasari, Huynh & Gulsrad 2011, trong Casby, 2008 cho rằng: “*Khả năng chơi đồ chơi và chơi với người khác góp phần vào sự phát triển sớm các KN xã hội, nhận thức, ngôn ngữ - GT, khả năng biểu đạt/hình tượng hóa, cũng như sự phát triển toàn diện thể chất và cảm xúc*” [1]. Các nhà tâm lý học, GT học macxit coi trò chơi (TC) như là một HĐ đặc trưng của xã hội loài người, phản ánh cuộc sống lao động, sinh hoạt của con người. TC của trẻ em không có nguồn gốc sinh học mà có nguồn gốc xã hội, được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác thông qua con đường GD. Theo tác giả Đinh

Văn Vang, *chơi là một HĐ mà động cơ của nó nằm trong quá trình chơi chứ không phải nằm trong kết quả của HĐ. Khi chơi, trẻ không chú tâm vào một lợi ích thiết thực nào cả, trong TC, mối quan hệ giữa con người với tự nhiên và xã hội được mô phỏng lại, chơi mang lại trạng thái tinh thần vui vẻ, phấn chấn, dễ chịu* [8]. Như vậy, từ những quan niệm trên, chúng tôi nhận thấy quan niệm về HĐ vui chơi của tác giả Đinh Văn Vang là phù hợp với hướng nghiên cứu của đề tài.

2.3. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

2.3.1. Khách thể nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, chúng tôi nghiên cứu biểu hiện mức độ KNGT của 35 trẻ RLPTK nhẹ và vừa đang tham gia các lớp MGHN 5-6 tuổi trong địa bàn thành phố Hà Nội. Thời gian nghiên cứu mức độ biểu hiện KNGT của trẻ RLPTK trong lớp MGHN tháng 8 năm 2017.

2.3.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này đã sử dụng kết hợp các phương pháp như sau:

- *Phương pháp nghiên cứu lý luận*: Nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến vấn đề GD KNGT cho trẻ RLPTK qua HĐ chơi trong lớp MGHN 5-6 tuổi để thu thập, tổng hợp và khái quát thông tin, sử dụng các phương pháp phân tích và tổng hợp, phân loại và hệ thống hóa lý thuyết, làm cơ sở lý luận cho vấn đề nghiên cứu.

- *Phương pháp hỏi ý kiến chuyên gia*: Trao đổi và hỏi ý kiến các chuyên gia trong lĩnh vực GD học, GD đặc biệt, GD trẻ RLPTK về các vấn đề liên quan đến GD trẻ RKPTK nói chung và GD KNGT nói riêng.

- *Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi*: Sử dụng phiếu điều tra để thu thập các thông tin về tiểu sử gia đình, những khó khăn hạn chế, sở thích của trẻ RLPTK, thực trạng sử dụng và hiệu quả của các biện pháp GD KNGT, những khó khăn và thuận lợi trong việc GD KNGT cho trẻ RLPTK.

- *Phương pháp phỏng vấn sâu*: Sử dụng phiếu phỏng vấn sâu để đặt câu hỏi trực tiếp với giáo viên (GV), phụ huynh (PH) nhằm thu thập và khẳng định thông tin cần thiết mà trong phiếu hỏi chưa cung cấp đầy đủ, thấy được cảm xúc tình cảm của người được phỏng vấn về vấn đề đó từ đó thấy được tính xác thực của vấn đề nghiên cứu.

- *Phương pháp quan sát*: Quan sát các giờ HĐ chủ đích và HĐ chơi của trẻ RLPTK trong lớp MGHN 5-6 tuổi; quan sát sự tương tác giữa GV và trẻ; quan sát PH tương tác với con trong những giờ đón trả trẻ; quan sát các biểu hiện KNGT của trẻ RKPTK trong các hoạt động.

- *Phương pháp nghiên cứu sản phẩm*: Sử dụng phương pháp này nhằm phân tích giáo án, kế hoạch GD cá nhân, kế hoạch GD KNGT cho trẻ RLPTK qua HĐ chơi trong lớp MGHN 5 - 6 tuổi; nghiên cứu quá trình và kết quả HĐ chơi của trẻ gắn với các mục tiêu và nhiệm vụ GD KNGT.

- *Phương pháp thống kê*: Sử dụng phần mềm SPSS 22.0, thống kê, xử lý số liệu làm cơ sở để phân tích về thực trạng GD KNGT cho trẻ RLPTK.

2.4. Thực trạng giáo dục kĩ năng giao tiếp cho trẻ rối loạn phổ tự kỉ qua hoạt động chơi trong lớp mẫu giáo hòa nhập 5-6 tuổi

2.4.1 Biểu hiện kĩ năng giao tiếp của trẻ rối loạn phổ tự kỉ trong lớp mẫu giáo hòa nhập 5-6 tuổi

Để tìm hiểu về biểu hiện KNGT của trẻ RLPTK, chúng tôi đã tiến hành quan sát trẻ trong các giờ học, giờ chơi và giờ sinh hoạt chung, phỏng vấn GV ở lớp có trẻ có

biểu hiện khó khăn về KNGT kết hợp với phiếu trưng cầu ý kiến của phụ huynh. Tổng hợp các phương pháp nêu trên cho thấy, KNGT được thể hiện qua 7 nhóm. Biểu hiện cụ thể được thể hiện ở Bảng 1. Sử dụng kĩ thuật phân tích điểm trung bình (mean) từ kết quả tổng hợp 35 phiếu quan sát/đánh giá trẻ RLPTK trong 7 lĩnh vực theo 3 mức độ biểu hiện KNGT (mức 1 – 1 điểm (Chưa có KN); mức 2- 2 điểm (Có KN nhưng cần được hỗ trợ); mức 3- 3 điểm (Có KN)) được thể hiện ở Bảng 1:

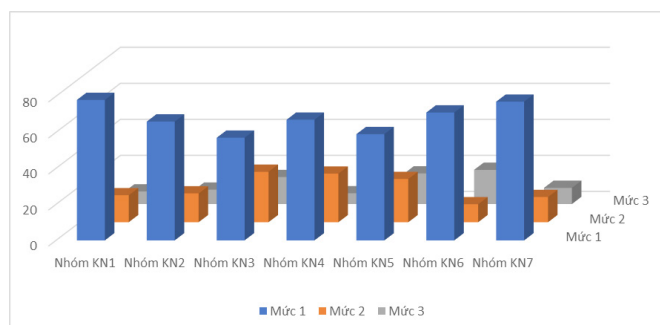
Nhìn vào kết quả trong Bảng 1, có thể rút ra một số

Bảng 1: Tổng hợp lĩnh vực và mức độ thực hiện các KNGT của trẻ RLPTK trong lớp MGHN (N=35)

Nhóm KN	Nội dung (Chỉ số/Item)	ĐTB (Mean)	ĐLC (SD)
(I) KN thiết lập mối quan hệ với bạn	Gọi tên các bạn trong nhóm chơi hàng ngày	1,57	0,69
	Duy trì 1 nhóm bạn chơi hàng ngày	1,60	0,65
	Chia sẻ thông tin/đồ chơi với bạn	1,51	0,61
Tổng		1,56	0,67
(II) KN tập trung, chú ý lắng nghe	Chăm chú lắng nghe đối tượng GT	1,60	0,69
	Ngồi chơi cùng nhóm bạn	1,60	0,69
	Tập trung quan sát và thực hiện TC theo mẫu	1,60	0,69
	Chú ý GT mất khi trò chuyện với đối tượng GT	1,57	0,65
	KN phối hợp tay, mắt khi thực hiện hoạt động theo hướng dẫn (do trẻ hay bị mất tập trung GT mất nên khi trẻ làm có thể trẻ vẫn lơ đãng ánh mắt)	1,71	0,71
Tổng		1,61	0,68
(III) KN hiểu ngôn ngữ	Hiểu để nắm được nội dung và biết cách trả lời các phản hồi thoại trong GT	1,54	0,70
	Hiểu được vai chơi của mình trong nhóm khi được hướng dẫn	1,51	0,61
	Hiểu những hướng dẫn để chấp nhận các tình huống như kết thúc, thua cuộc, chuyển HD khác	1,60	0,73
	Hiểu được ngôn ngữ phi lời của người khác để chủ động nói theo đúng tình huống (Ví dụ: Cô nói: Cô đang làm gì đây? - Cô đang làm hành động chỉ chỉ chành chành - Trẻ nói cô chơi chỉ chỉ chành chành hoặc cô làm hành động vắt nước cam - Trẻ nói TC vắt nước cam.	1,48	0,61
Tổng		1,55	0,69
(IV) KN sử dụng ngôn ngữ lời nói	Nói rõ được thông tin cá nhân (tên, tuổi, giới tính, trường lớp và tên một số bạn...) để giới thiệu bản thân	1,66	0,72
	Sử dụng lời nói để chủ động chào đón vai khi tham gia TC đóng vai	1,65	0,68
	Trẻ biết sử dụng lời nói để hỏi và hỏi lại khi chưa rõ yêu cầu	1,57	0,65
	Sử dụng lời nói để diễn đạt lời của nhân vật trong TC đóng vai	1,57	0,60
	Sử dụng lời nói để nhắn tin, truyền tin trong khi chơi	1,48	0,56
	Sử dụng lời nói để mô tả lại về nội dung TC	1,54	0,56
	Sử dụng lời nói để bày tỏ ý kiến và chỉ dẫn bạn bè	1,48	0,56
	Biết sử dụng lời nói để trả lời các câu hỏi khi GV đặt câu hỏi	1,54	0,56
	Biết sử dụng lời nói thể hiện sự quan tâm đến người khác như hỏi thăm người khác khi tham gia TC đóng vai.	1,48	0,56
Tổng		1,55	0,60

Nhóm KN	Nội dung (Chỉ số/Item)	ĐTB (Mean)	ĐLC (SD)
(V) KN sử dụng ngôn ngữ phi lời	Trẻ biết sử dụng ngôn ngữ cơ thể (ánh mắt, nét mặt, cử chỉ điệu b...) trong GT	1,65	0,63
	Biết sử dụng ngôn ngữ phi lời để đưa ra thông tin, trả lời câu hỏi (trẻ biết gật đầu đồng ý, lắc đầu khi không đồng ý...)	1,62	0,59
	Sử dụng ngôn ngữ phi lời kết hợp với lời nói để thu hút sự chú ý	1,60	0,65
	Có KN sử dụng ngôn ngữ phi lời thể hiện cảm xúc của bản thân	1,57	0,60
Tổng		1,61	0,62
(VI) KN thực hiện một số quy tắc thông thường khi GT	Điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu GT	1,48	0,61
	Có KN chào hỏi và lễ phép phù hợp với tình huống	1,74	0,65
	Không chen ngang ngắt lời khi người khác đang nói	1,65	0,63
	Nhận ra thông điệp đồng ý hay không đồng ý bằng ngôn ngữ phi lời của người khác	1,65	0,59
Tổng		1,63	0,62
(VII) KN phối hợp trong nhóm	Chủ động thực hiện nhiệm vụ khi đến lượt chơi	1,54	0,61
	Biết luân phiên chờ đợi đến lượt mình khi chơi	1,62	0,68
	Có KN thúc đẩy các thành viên trong nhóm (VD: Cố lên, nhanh lên, hoan hô cổ vũ)	1,62	0,59
Tổng		1,60	0,63

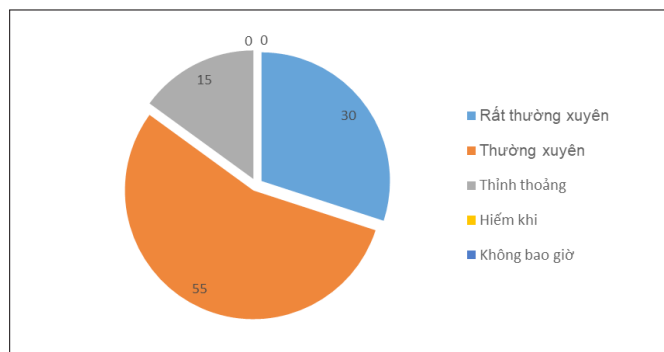
nhận định sau đây: Lĩnh vực của trẻ ở mức độ trung bình, ở tất cả các lĩnh vực đều tiệm cận lên mức 2, có nghĩa là trẻ luôn cần có sự hỗ trợ thì mới làm được còn nếu không thì trẻ không thực hiện được. Điều này hoàn toàn phù hợp vì hầu hết các trẻ đều đang có giờ can thiệp cá nhân đều nhận thức được được nhưng chưa có tính chủ động trong GT. Điểm trung bình chung là 2,0. Hầu như tất cả các KN trẻ đều gặp khó khăn nhưng tập trung nhiều nhất vào nhóm KN sử dụng ngôn ngữ lời nói. Khi quan sát trẻ trong các giờ HD chủ đích và HD chơi cho thấy, trẻ rất ít khi chủ động sử dụng lời nói trong GT mà thường nói khi được nhắc nhở hoặc chơi một mình mà ít có nhu cầu GT cùng cô và bạn. Tiếp đến là KN hiểu ngôn ngữ: Do tính chất trong môi trường lớp hòa nhập, GV còn nói nhanh, chưa lặp lại nhiều lần và chưa nhắm vào trẻ nên nhiều khi trẻ chưa hiểu được những điều GV nói; KN thiết lập mối quan hệ với bạn trẻ cũng còn gặp khó khăn ở việc trẻ chưa biết chơi cùng bạn, rủ bạn chơi, còn tranh giành đồ chơi, chưa hình thành được nhóm bạn chơi... Do đó, rất cần có sự hỗ trợ để trẻ có thể chơi cùng các bạn, trong khi chơi, trẻ GT trò chuyện cùng nhau. Độ lệch chuẩn của các tiêu chí cho thấy những ý kiến, nhận định đánh giá khá tập trung. Những chỉ số trên cho thấy: Trẻ chưa thực hiện được (mức 1 – 1 điểm) và thực hiện được khi có sự hỗ trợ của GV (mức 2-2 điểm) là chủ yếu (xem Biểu đồ 1).



Biểu đồ 1: Tần suất mức độ thực hiện các KNGT của trẻ RLPTK trong lớp MGHN 5-6 tuổi

Sau khi đánh giá mức độ thực hiện các KNGT của trẻ RLPTK, cho thấy KNGT của trẻ 5-6 tuổi RLPTK nói chung rất hạn chế (xem Biểu đồ 1). Tổng hợp mức độ biểu hiện theo 7 lĩnh vực qua biểu đồ trên cho thấy, hầu như tất cả các KN trẻ RLPTK 5-6 tuổi đều ở mức 1 và mức 2, mức chưa có KN và mức có KN nhưng cần hỗ trợ, cần phải có sự tác động nhiều từ phía GV, PH, sự chuẩn bị môi trường, đồ dùng đồ chơi, sự hỗ trợ của các bạn trong lớp sẽ giúp cho mức độ KNGT của trẻ RLPTK học hòa nhập được cải thiện theo hướng hiệu quả hơn. Trẻ còn thụ động, chưa có sự tương tác nhiều. Để đạt được mức 3, trẻ cần rất nhiều sự hỗ trợ từ GV trong việc hướng dẫn, làm mẫu và thực hiện các hoạt động theo kế hoạch giáo dục cá nhân đề ra.

2.4.2. Mức độ giáo dục kĩ năng giao tiếp cho trẻ rối loạn phổ tự kỉ qua hoạt động chơi trong lớp mẫu giáo hòa nhập 5-6 tuổi

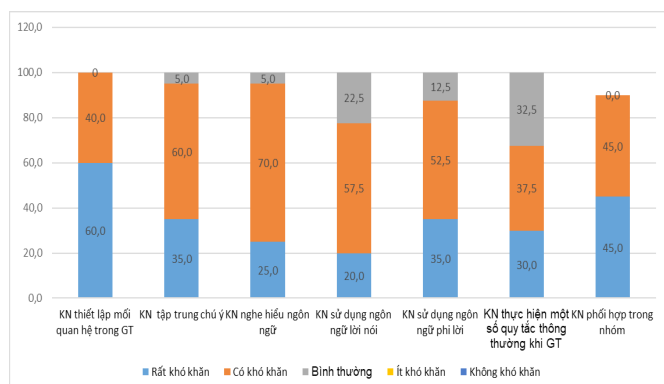


Biểu đồ 2: Mức độ GD KNGT qua HĐ chơi cho trẻ RLPTK trong lớp MGHN 5-6 tuổi

Tần suất GD KNGT cho trẻ RLPTK qua HĐ chơi ở các lớp MGHN là khá cao, mức thường xuyên chiếm 55%. Đây là tỉ lệ khá cao, rất thường xuyên chiếm 30%, thỉnh thoảng chiếm 15%, và ở mức hiếm khi và không bao giờ không có ý kiến nào (xem Biểu đồ 2). Chứng tỏ rằng, GV đã sử dụng thường xuyên các HĐ chơi nhưng chưa có sự tác động đúng cách để tập trung vào mục đích phát triển KNGT. Khi trẻ chơi, GV ít có sự tác động cá biệt, do đó HĐ chơi chưa có hiệu quả cao trong phát triển KNGT cho trẻ. Các hình thức chơi thường là chơi góc. Trẻ có tham gia trong các góc đó nhưng gần như nếu không có sự tác động trực tiếp thì hiệu quả của TC tác động lên trẻ không hiệu quả.

2.4.3. Mức độ khó khăn về các nhóm kĩ năng giao tiếp

Dưới đây là hình vẽ thể hiện kết quả đánh giá mức độ khó khăn về các nhóm KNGT của trẻ RLPTK từ góc độ đội ngũ GV dạy trực tiếp trẻ (xem Biểu đồ 3).



Biểu đồ 3: Mức độ khó khăn về các nhóm KNGT của trẻ RLPTK 5-6 tuổi (%)

Nhìn vào Biểu đồ 3 có thể thấy, hầu hết tất cả các nhóm trẻ đều gặp khó khăn ở mức độ rất khó khăn và khó khăn. Chỉ có 03 nhóm KN có một số GV cho rằng trẻ khó khăn ở mức bình thường. Không có GV nào cho rằng, trẻ

không gặp khó khăn hoặc gặp khó khăn ở mức độ ít. Chúng tôi có xếp thứ tự để xác định đâu là những KN mà trẻ gặp khó khăn nhất trong quá trình GT. Theo đó, chúng tôi cho điểm theo mức độ khó khăn: *Rất khó khăn: 4 điểm; Có khó khăn: 3 điểm; Bình thường: 2 điểm; Ít khó khăn: 1 điểm; Không khó khăn: 0 điểm.* Điểm số trung bình của các kĩ năng càng cao cho thấy khó khăn ở các kĩ năng đó ở mức độ càng lớn.

2.5. Các biện pháp giáo dục kĩ năng giao tiếp qua hoạt động chơi cho trẻ rối loạn phổ tự kỉ trong lớp mẫu giáo hòa nhập 5-6 tuổi

Từ kết quả nghiên cứu nêu trên, chúng tôi đề xuất một số biện pháp tác động với mong muốn GD KNGT cho trẻ RLPTK, góp phần nâng cao mức độ tham gia của trẻ trong các lớp MGHN như sau:

Nhóm biện pháp 1: Nhóm biện pháp chuẩn bị HĐ chơi:

Biện pháp 1: Đánh giá KNGT và lập kế hoạch GD cá nhân;

Biện pháp 2: Sử dụng TC phù hợp với kế hoạch đã đề ra;

Biện pháp 3: Chuẩn bị môi trường lớp học - đồ dùng đồ chơi;

Nhóm biện pháp 2: Nhóm biện pháp thực hiện HĐ chơi:

Biện pháp 4: Thiết lập nhóm bạn hỗ trợ trẻ trong các HĐ chơi;

Biện pháp 5: Áp dụng các kĩ thuật hỗ trợ trẻ chơi trong các HĐ hàng ngày;

Biện pháp 6: Tác động đa giác quan trong khi tổ chức HĐ chơi;

Biện pháp 7: Tạo động lực chơi nhằm kích thích sự hứng thú tham gia của trẻ;

Nhóm biện pháp 3: Nhóm biện pháp hỗ trợ HĐ chơi:

Biện pháp 8: Phối kết hợp với PH trong tổ chức HĐ chơi GD KNGT;

Biện pháp 9: Hỗ trợ cá nhân.

Nhóm biện pháp 4: Đánh giá kết quả

Biện pháp 10: Đánh giá định kì và đánh giá chuyên tiếp

Để tiến hành GD KNGT qua HĐ chơi cho trẻ RLPTK trong lớp MGHN 5-6 tuổi, chúng tôi áp dụng các biện pháp đã xây dựng. Trong các nhóm KN cần GD, cần phải áp dụng tất cả các biện pháp trong nhóm 1, nhóm 3 và nhóm 4. Các biện pháp trong nhóm 2 sẽ lựa chọn cho phù hợp với từng KN trẻ còn hạn chế và cần phải GD. Tất cả các biện pháp có mối quan hệ với nhau, có tác động bổ trợ, làm tiền và tương hỗ làm tăng tính hiệu quả của các biện pháp khi sử dụng.

3. Kết luận

Qua nghiên cứu thực trạng KNGT qua HĐ chơi của trẻ RLPTK trong lớp MGHN 5-6 tuổi, chúng tôi rút ra một

số kết luận sau:

- KNGT của trẻ RLPTK biểu hiện rất đa dạng với 7 nhóm KN với 33 tiểu KN. Tần suất xuất hiện của các KNGT ở các mức độ là khác nhau, trẻ RLPTK chủ yếu trước thực nghiệm đạt mức 1 (mức chưa có KN) cần phải được hỗ trợ để giúp trẻ phát triển về KNGT.

- GV trực tiếp tham gia vào GD trẻ RLPTK đã xác định được mức độ GD KNGT trong lớp MGHN và mức độ

khó khăn của trẻ các nhóm KNGT, chính vì điều này nên dẫn tới trẻ gặp hạn chế trong các HĐ diễn ra hàng ngày ở lớp MGHN.

- Nghiên cứu thực trạng về GV KHGT qua HĐ chơi cho trẻ RLPTK trong lớp MGHN là một phần quan trọng làm cơ sở xây dựng mục tiêu, nội dung, phương pháp GD để phát triển KNGT cho trẻ RLPTK ở trong lớp MGHN.

Tài liệu tham khảo

- [1] Trung tâm Sáng kiến Sức khỏe và Dân số, (2015), *Hướng dẫn phát triển kỹ năng chơi*, NXB Thế giới.
- [2] Bộ Lao động - Thương binh Xã hội - Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam, (2019), *Hỗ trợ phục hồi chức năng cho trẻ em tự kỉ tại Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [3] Simone Griffin - Dianne Sandler, (2019), *Thúc đẩy giao tiếp - 300 trò chơi và các hoạt động cho trẻ tự kỉ*, Dịch và hiệu đính: Trần Bích Phương - Nguyễn Kim Diệu, NXB Phụ nữ.
- [4] Clarissa Willis, (2012), *Teaching Young Children With Autism Spectrum Disorder*, Gryphon house, Inc.
- [5] Jed Baker, (2003), *The Social Skills Picture Book Teaching play, emotion, and communication to children with autism*, Future Horizons, Inc.
- [6] Pad Broadhead, (2004), *Early years play and learning: developing social skills and cooperation*, New York: Routledge Falmer.
- [7] Merlej Crawford – Barbara Weber, (2019), *Cần thiệp phổ tự kỉ hàng ngày - Kết hợp giáo dục trong những hoạt động hàng ngày cho trẻ và gia đình*, Người dịch: Hoàng Quốc Chính - Nguyễn Hồng Thanh - Lương Hoàng Long, NXB Phụ nữ.
- [8] Đinh Văn Vang, (2011), *Giáo trình Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non*, NXB Giáo dục Việt Nam.
- [9] Hoàng Anh (chủ biên) - Đỗ Thị Châu - Nguyễn Thạc, (2007), *Hoạt động giao tiếp nhân cách*, NXB Đại học Sư phạm.
- [10] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2010), *Thông tư số 23.2010TT-BGDĐT ban hành Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi*.

CURRENT SITUATION OF TEACHING COMMUNICATION SKILLS THROUGH PLAY ACTIVITIES FOR 5-6 YEAR OLD CHILDREN WITH AUTISM SPECTRUM DISORDER IN INTEGRATION CLASSES

Nguyen Thi Bui Thanh

Thang Long University
Dai Kim ward, Hoang Mai district, Hanoi, Vietnam
Email: nguyenthibui Thanh@gmail.com

ABSTRACT: *The article analyzes the current situation of communication skills education through play activities for children with autism spectrum disorder in integration classes at age 5-6 years based on specific statistics about the perceptions of teachers and parents on the importance of research issues, expression, frequency, and the implementation level of children's communication skills in daily activities in general and play activities in particular. The results show that communication skills performance consisted of 7 skill groups with 33 items. From the practical survey results, the author proposed 4 groups of measures including 10 impact measures to help teachers and parents orient, select and effectively apply these measures in education of communication skills through play activities in integration classes for 5-6 year old children in order to improve the communication skills for children with autism spectrum disorder.*

KEYWORDS: Communication skills; autism; integration; play activities; 5-6 years old.